

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-29

NAVIBANK

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Lê Quang Trí	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2014

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh	Miễn nhiệm ngày 17/07/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Đức Thiện	Trưởng ban
--------------------	------------

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Phan Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CHỦ TỊCH  
BAN GIÁM ĐỐC  
A  
N K

CHỦ TỊCH  
BAN GIÁM ĐỐC  
A  
N K



Số: 321/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

**Vũ Xuân Biễn**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>222.258.852.018</b>	<b>198.384.114.889</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>100.146.078.247</b>	<b>50.913.186.326</b>
111	1. Tiền		93.933.678.247	34.340.489.699
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.212.400.000	16.572.696.627
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>14.700.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.700.000.000	12.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>107.109.215.188</b>	<b>134.627.581.007</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		2.235.233.472	12.213.830.075
132	2. Trả trước cho người bán		90.000	480.000
138	5. Các khoản phải thu khác		104.873.891.716	122.413.270.932
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>303.558.583</b>	<b>343.347.556</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	214.044.879	186.894.298
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.115.660	19.285.214
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	77.398.044	137.168.044
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.890.801.723</b>	<b>6.842.250.814</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.454.454.271</b>	<b>3.616.635.329</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	892.327.089	2.529.814.062
222	- Nguyên giá		9.120.216.921	10.375.638.220
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.227.889.832)	(7.845.824.158)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	462.127.182	1.086.821.267
228	- Nguyên giá		4.708.946.430	4.620.510.225
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.246.819.248)	(3.533.688.958)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	100.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.436.347.452</b>	<b>3.225.615.485</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	310.579.880	1.502.491.707
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.554.685.972	1.042.780.048
268	4. Tài sản dài hạn khác		571.081.600	680.343.730
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>226.149.653.741</b>	<b>205.226.365.703</b>

11105  
CÔNG  
CHÍNH  
KẾ  
TOÁN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>99.846.686.245</b>	<b>84.779.435.698</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>99.846.686.245</b>	<b>84.779.435.698</b>
312	2. Phải trả người bán		27.386.039	-
313	3. Người mua trả tiền trước		-	40.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	107.161.896	300.762.976
315	5. Phải trả người lao động		300.836.823	-
316	6. Chi phí phải trả	16	905.967.916	386.828.456
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	98.505.333.571	84.051.844.266
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>126.302.967.496</b>	<b>120.446.930.005</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>126.302.967.496</b>	<b>120.446.930.005</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.697.032.504)	(40.553.069.995)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>226.149.653.741</b>	<b>205.226.365.703</b>

CHỖ DẤU HẠN KẾ TOÁN  
SC  
KIỂM - TR

11/12/2014



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.717.161.900.000	3.095.874.470.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.752.922.290.000	2.194.410.720.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.752.922.290.000	1.894.410.720.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	300.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.156.110.000	1.156.110.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.156.110.000	1.156.110.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		954.181.470.000	872.120.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		954.181.470.000	872.120.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		8.886.200.000	28.094.690.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		8.886.200.000	28.094.690.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		15.830.000	92.950.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		15.830.000	92.950.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		45.052.340.000	5.417.980.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		45.032.340.000	5.417.980.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		45.032.340.000	5.417.980.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		20.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20.000.000	-

Nguyễn Thanh Minh  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	29.324.377.815	17.925.183.980
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		18.029.174.973	7.118.967.267
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		883.900.800	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.463.157.983	1.189.036.306
01.9	Doanh thu khác		8.948.144.059	9.617.180.407
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	29.324.377.815	17.925.183.980
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	13.589.698.716	8.845.532.234
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		15.734.679.099	9.079.651.746
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	9.881.373.258	11.224.628.705
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.853.305.841	(2.144.976.959)
31	8. Thu nhập khác	22	579.633.291	5.068.017
32	9. Chi phí khác	23	576.901.641	306.350.629
40	10. Lợi nhuận khác		2.731.650	(301.282.612)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.856.037.491	(2.446.259.571)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.856.037.491	(2.446.259.571)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	364	(152)

Nguyễn Thanh Minh  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.856.037.491	(2.446.259.571)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.785.150.016	2.780.046.486
03	- Các khoản dự phòng		-	(609.173.966)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.321.049.453)	(9.370.945.025)
06	- Chi phí lãi vay		1.736.259.152	29.058.296
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.056.397.206	(9.617.273.780)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		27.282.428.281	93.723.186.547
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.886.389.436	(29.358.321.367)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.164.761.246	350.544.576
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.555.398.041)	(29.058.296)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		214.278.130	270.634.780
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.000.000)	(73.977.538.430)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.018.856.258	(18.637.825.970)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(100.000.000)	(285.995.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		636.229.718	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.700.000.000)	(12.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.500.000.000	9.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.877.805.945	9.374.258.892
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.214.035.663	5.588.263.892
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		49.232.891.921	(13.049.562.078)

C.T.
   
 HỮU HẠN
   
 M.T.
   
 SC
   
 NIÊM - T.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		50.913.186.326	63.962.748.404
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>100.146.078.247</u>	<u>50.913.186.326</u>



**Nguyễn Thanh Minh**  
Người lập



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
TP. Tài chính - Kế toán



**Phan Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.553.069.995)	5.856.037.491	-	(34.697.032.504)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>120.446.930.005</b>	<b>5.856.037.491</b>	<b>-</b>	<b>126.302.967.496</b>

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(38.106.810.424)	(2.446.259.571)	-	(40.553.069.995)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>122.893.189.576</b>	<b>(2.446.259.571)</b>	<b>-</b>	<b>120.446.930.005</b>



Nguyễn Thanh Minh  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy  
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CC  
CH  
ANG  
A  
DAN

CC  
C  
CH  
NA  
Đ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008 , Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 161.000.000.000 đồng; tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

NG  
HIỆM  
KIẾ  
A  
HIỆM  
02  
01  
01  
NG  
VI  
VI

### 2.3 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05 - 08 năm |
| - Phần mềm giao dịch, kế toán     | 05 năm      |

Y  
H  
TO  
SC  
TP

II  
G  
I  
II

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## **2.8 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## **2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.





**2.12 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng;

**2.13 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

**2.14 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của người đầu tư	689.847.355	10.740.536.713.700
- Cổ phiếu	689.847.355	10.740.536.713.700
	<b>689.847.355</b>	<b>10.740.536.713.700</b>

105 - 1  
CÔNG TY  
SÁCH NHIỆM  
HÀNG KẾ  
A  
Q. HOA

105 - 1  
CÔNG TY  
SÁCH NHIỆM  
HÀNG KẾ  
A  
Q. HOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.072.000	16.693.000
Tiền gửi ngân hàng	408.076.870	272.592.750
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	93.504.529.377	34.051.203.949
Các khoản tương đương tiền	6.212.400.000	16.572.696.627
	<b><u>100.146.078.247</u></b>	<b><u>50.913.186.326</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.212.400.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm.

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	14.700.000.000	12.500.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	12.000.000.000	12.500.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	2.700.000.000	-
	<b><u>14.700.000.000</u></b>	<b><u>12.500.000.000</u></b>

Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,4%/năm.

T.T.  
JUN  
M.T.C  
AS  
V.KIE



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Đang 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	01/01/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2014		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>12.213.830.075</b>	-	<b>2.880.394.757.746</b>	<b>2.890.373.354.349</b>	<b>2.235.233.472</b>	-	-
- Phải thu phí quản lý tài sản	-	-	340.099.589	330.403.496	9.696.093	-	-
- Phải thu nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	11.627.507.398	-	2.877.899.366.464	2.888.116.603.715	1.410.270.147	-	-
- Phải thu phí lưu ký chứng khoán	586.322.677	-	2.155.291.693	1.926.347.138	815.267.232	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>480.000</b>	-	<b>1.159.377.773</b>	<b>1.159.767.773</b>	<b>90.000</b>	-	-
- CN Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mắt Bão	480.000	-	480.000	960.000	-	-	-
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	-	-	1.158.897.773	1.158.807.773	90.000	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>122.413.270.932</b>	-	<b>1.012.177.631.596</b>	<b>1.029.717.010.812</b>	<b>104.873.891.716</b>	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup>	99.200.000.000	-	-	-	99.200.000.000	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	23.082.111.997	-	1.009.491.662.410	1.027.319.229.761	5.254.544.646	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.358.935	-	2.365.789.998	2.070.671.515	415.477.418	-	-
- Phải thu sản phẩm hợp tác TPBank <sup>(2)</sup>	10.800.000	-	320.179.188	327.109.536	3.869.652	-	-
	<b>134.627.581.007</b>	-	<b>3.893.731.767.115</b>	<b>3.921.250.132.934</b>	<b>107.109.215.188</b>	-	-



(1) Số dư phân ánh khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với các đối tác để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Trường hợp hợp tác kinh doanh có lãi, lợi nhuận được chia đều cho 02 (hai) bên. Trường hợp hợp tác kinh doanh lỗ hoặc hòa vốn, bên đối tác hợp tác kinh doanh phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền vốn góp và chịu mọi tổn thất có thể phát sinh. Số dư bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ông Phạm Khánh Duy	19.200.000.000	19.200.000.000
Bà Phạm Thị Lê	40.000.000.000	40.000.000.000
Bà Sầm Thị Hương	40.000.000.000	40.000.000.000
	<b>99.200.000.000</b>	<b>99.200.000.000</b>

(2) Số dư phân ánh khoản lãi phải thu của nhà đầu tư từ hợp đồng hợp tác cho vay đầu tư chứng khoán giữa Ngân hàng Tiên Phong, Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chứng khoán đứng vai trò trung gian kiểm soát tài sản đảm bảo của nhà đầu tư không được sụt giảm dưới mức cho phép.

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	186.894.298	165.033.939
Tăng trong năm	3.508.843.544	3.002.923.658
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(3.469.442.964)	(2.981.063.299)
Giảm khác	(12.249.999)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>214.044.879</b>	<b>186.894.298</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.154.086	1.592.449
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	38.486.984
Chi phí thuê văn phòng	102.424.240	102.424.241
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	104.466.553	44.390.624
	<b>214.044.879</b>	<b>186.894.298</b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.135.247
Thuế Thu nhập cá nhân	12.115.660	16.149.967
	<b>12.115.660</b>	<b>19.285.214</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	15.246.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	32.152.044	137.168.044
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	30.000.000	-
	<b>77.398.044</b>	<b>137.168.044</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.338.203.819	9.037.434.401	10.375.638.220
Thanh lý, nhượng bán	(772.881.819)	(394.103.275)	(1.166.985.094)
Phân loại lại sang TSCĐ vô hình	-	(88.436.205)	(88.436.205)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>565.322.000</b>	<b>8.554.894.921</b>	<b>9.120.216.921</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	766.487.883	7.079.336.275	7.845.824.158
Trích khấu hao	190.827.558	944.571.459	1.135.399.017
Thanh lý, nhượng bán	(397.175.390)	(292.778.662)	(689.954.052)
Phân loại lại sang TSCĐ vô hình	-	(63.379.291)	(63.379.291)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>560.140.051</b>	<b>7.667.749.781</b>	<b>8.227.889.832</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	571.715.936	1.958.098.126	2.529.814.062
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.181.949</b>	<b>887.145.140</b>	<b>892.327.089</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2014	4.620.510.225	4.620.510.225
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	88.436.205	88.436.205
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.708.946.430</b>	<b>4.708.946.430</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2014	3.533.688.958	3.533.688.958
Trích khấu hao	649.750.999	649.750.999
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	63.379.291	63.379.291
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.246.819.248</b>	<b>4.246.819.248</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	1.086.821.267	1.086.821.267
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>462.127.182</b>	<b>462.127.182</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.336.070.725 đồng

105  
NG T  
NHIỆM  
G KIẾ  
A P  
DANI

S.G.V  
10

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>100.000.000</b>	-
Phần mềm BankGateway	100.000.000	-
	<b>100.000.000</b>	-

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	1.502.491.707	1.280.289.662
Tăng trong năm	72.847.000	1.110.752.912
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.264.758.827)	(888.550.867)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>310.579.880</b>	<b>1.502.491.707</b>

**Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	192.926.359	413.201.670
Chi phí thi công nội thất văn phòng, chi phí di dời văn phòng	-	868.361.808
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.653.521	220.928.229
	<b>310.579.880</b>	<b>1.502.491.707</b>

**14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.225.856.084	823.679.323
Tiền lãi phân bổ trong năm	208.829.888	99.100.725
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.554.685.972</b>	<b>1.042.780.048</b>

CHỖ HỮU  
 TÀI TOÁN  
 SC  
 HỌ TÊN - TR

M.S.C

CHỖ  
 N  
 A  
 E

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	39.645.946	-
Thuế Thu nhập cá nhân	67.515.950	300.762.976
	<b>107.161.896</b>	<b>300.762.976</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng môi giới mua chứng khoán	180.861.111	-
Chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán	591.304.112	253.151.541
Chi phí đường truyền trang web	-	21.710.000
Trích trước chi phí điện nước	20.299.838	21.149.150
Chi phí phải trả khác	113.502.855	90.817.765
	<b>905.967.916</b>	<b>386.828.456</b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	93.504.529.377	34.051.203.949
Phải trả Ngân hàng TMCP Nam Việt khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân)	5.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	804.194	640.317
	<b>98.505.333.571</b>	<b>84.051.844.266</b>

**18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	161.000.000.000	(38.106.810.424)	122.893.189.576
Lỗ trong năm	-	(2.446.259.571)	(2.446.259.571)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>(40.553.069.995)</b>	<b>120.446.930.005</b>
Lãi trong năm	-	5.856.037.491	5.856.037.491
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>(34.697.032.504)</b>	<b>126.302.967.496</b>

0100  
C  
TRÁCH  
HÀNH  
A  
HOÀN

01  
01  
SỐ  
IN  
A  
/IN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014
	(%)	VND	(%)	VND
Ngân hàng TMCP Nam Việt (nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân)	10,99%	17.700.000.000	10,99%	17.700.000.000
Cổ đông khác	89,01%	143.300.000.000	89,01%	143.300.000.000
	<b>100%</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>161.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161.000.000.000	161.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	161.000.000.000	161.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	161.000.000.000	161.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.100.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19 . DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>29.324.377.815</b>	<b>17.925.183.980</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	18.029.174.973	7.118.967.267
- Doanh thu hoạt động tư vấn	883.900.800	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.463.157.983	1.189.036.306
- Doanh thu khác	8.948.144.059	9.617.180.407
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>29.324.377.815</b>	<b>17.925.183.980</b>

11105  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
KIỂM TỐ  
ASC  
KIỂM - TP



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.220.234.298	1.371.092.833
Chi phí hoạt động tư vấn	750.000	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.640.576.693	1.328.391.340
Chi phí khác	3.270.020.984	1.437.808.194
Chi phí trực tiếp chung	5.458.116.741	4.708.239.867
	<b>13.589.698.716</b>	<b>8.845.532.234</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.734.783.133	3.718.084.421
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	251.286.377	195.945.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.136.226.456	1.939.281.233
Thuế, phí và lệ phí	402.352.471	486.053.458
Chi phí dự phòng	-	293.235.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.030.665.286	4.309.736.691
Chi phí khác bằng tiền	326.059.535	282.292.354
	<b>9.881.373.258</b>	<b>11.224.628.705</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	578.390.653	-
Thu nhập khác	1.242.638	5.068.017
	<b>579.633.291</b>	<b>5.068.017</b>

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	99.857.279	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	477.031.042	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	6.219	40.000.000
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng thuê văn phòng	-	260.634.780
Chi phí khác	7.101	5.715.849
	<b>576.901.641</b>	<b>306.350.629</b>

CÔNG TY  
 HỮU HỮU  
 KIỂM TOÁN  
 ASC

KIỂM

CÔNG TY  
 HỮU HỮU  
 KIỂM TOÁN  
 ASC

1.0  
 3  
 H  
 K  
 3/

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Các khoản điều chỉnh tăng	74.250.000	40.000.000
- Chi phí không hợp lệ	74.250.000	40.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.126.125.715)	(36.006.521.415)
- Chuyển lỗ các năm trước	(30.126.125.715)	(36.006.521.415)
Tổng thu nhập tính thuế	(24.195.838.224)	(38.412.780.986)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.100.000	16.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>364</b>	<b>(152)</b>

**26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.146.078.247	-	50.913.186.326	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	107.109.125.188	-	134.627.101.007	-
Các khoản cho vay	14.700.000.000	-	12.500.000.000	-
	<b>221.955.203.435</b>	<b>-</b>	<b>198.040.287.333</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	98.532.719.610	84.051.844.266
Chi phí phải trả	905.967.916	386.828.456
	<b>99.438.687.526</b>	<b>84.438.672.722</b>



TP. HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.146.078.247	-	-	100.146.078.247
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	107.109.125.188	-	-	107.109.125.188
Các khoản cho vay	14.700.000.000	-	-	14.700.000.000
	<b>221.955.203.435</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>221.955.203.435</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.913.186.326	-	-	50.913.186.326
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	134.627.101.007	-	-	134.627.101.007
Các khoản cho vay	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
	<b>198.040.287.333</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>198.040.287.333</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	98.532.719.610	-	-	98.532.719.610
Chi phí phải trả	905.967.916	-	-	905.967.916
	<b>99.438.687.526</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>99.438.687.526</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	84.051.844.266	-	-	84.051.844.266
Chi phí phải trả	386.828.456	-	-	386.828.456
	<b>84.438.672.722</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.438.672.722</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẴM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	93.504.529.377	34.051.203.949
	<b>93.504.529.377</b>	<b>34.051.203.949</b>

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty được chấp thuận đóng cửa căn cứ theo Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thực hiện bàn giao tài sản và số liệu tài chính cho Công ty căn cứ trên Biên bản bàn giao ngày 01/11/2014. Đến thời điểm 26/12/2014, do chưa thể hoàn tất các công việc đóng cửa Chi nhánh nên Công ty đã gửi Công văn số 79/2014/NVS/CV-TGD xin lùi thời gian hoàn thành các thủ tục đóng cửa đến ngày 02/02/2015. Đến ngày 09/03/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015 về việc thu hồi Quyết định chấp thuận lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CHỖ ĐÓNG KÝ  
CỘNG  
HẠCH NHIE  
TANG KI  
AA  
DAN KI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

Ngõ 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Kinh doanh nguồn vốn		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	Hoạt động môi giới	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	18.029.174.973	8.948.144.059	2.347.058.783	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815
Chi phí bộ phận trực tiếp	8.678.351.039	3.270.020.984	1.641.326.693	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.350.823.934</b>	<b>5.678.123.075</b>	<b>705.732.090</b>	<b>15.734.679.099</b>	<b>15.734.679.099</b>	<b>15.734.679.099</b>	<b>15.734.679.099</b>	<b>15.734.679.099</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	95.059.215.349	105.868.684.445	824.963.325	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	24.396.790.622
<b>Tổng tài sản</b>	<b>95.059.215.349</b>	<b>105.868.684.445</b>	<b>824.963.325</b>	<b>201.752.863.119</b>	<b>201.752.863.119</b>	<b>201.752.863.119</b>	<b>226.149.653.741</b>	<b>226.149.653.741</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	93.504.529.377	-	-	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	6.342.156.868	6.342.156.868
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>93.504.529.377</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>93.504.529.377</b>	<b>93.504.529.377</b>	<b>93.504.529.377</b>	<b>99.846.686.245</b>	<b>99.846.686.245</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,  
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu lãi tiền gửi</b>			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	714.136.165	1.218.942.892
<b>Chi phí lãi vay phải trả</b>			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	1.677.534.445	16.208.158

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
<b>Các khoản tiền gửi có kỳ hạn</b>			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	3.200.000.000	16.572.696.627
<b>Phải thu</b>			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	5.123.333	71.570.217
<b>Phải trả</b>			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	5.000.000.000	50.000.000.000

(\*) Ngân hàng TMCP Nam Việt nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.479.510.609	1.486.250.000

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thanh Minh  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
TP. Tài chính - Kế toánPhan Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015